

Chi tiết mã HS 8430.41.00

Mã HS	8430.41.00
Mô tả hàng hóa	Các máy ủi xúc dọn, cào, san, gạt, đào, đầm, nén, bóc tách hoặc khoan khác dùng trong công việc về đất, khoáng hoặc quặng; máy đóng cọc và nhổ cọc; máy xới tuyết và dọn tuyết / - Máy khoan hoặc máy đào sâu khác: / - - Loại tự hành
Đơn vị	chiếc
Thời điểm tạo	01/11/2026 20:23:49
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 - BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/84304100/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K13675
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N13675
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q13675
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) - 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VN-EAEU	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E12977
ATIGA	2022	2022	0	AT!E12918
ATIGA	2023	2023	0	AT!F12918
ATIGA	2024	2024	0	AT!G12918
ATIGA	2025	2025	0	AT!H12918
ATIGA	2026	2026	0	AT!I12918
ATIGA	2027	2027	0	AT!J12918
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E12972
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F12972
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G12972

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H12972
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I12972
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J12972
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E12973
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F12973
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G12973
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H12973
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I12973
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J12973
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F12976
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H12924
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F12932
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G12932
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H12932
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I12932
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J12932
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K12932
VKFTA	2022	2022	0	VK!E12963
VKFTA	2023	2023	0	VK!F12963
VKFTA	2024	2024	0	VK!G12963
VKFTA	2025	2025	0	VK!H12963
VKFTA	2026	2026	0	VK!I12963
VKFTA	2027	2027	0	VK!J12963
VCFTA	2022	2022	0	VC!D13012
VCFTA	2023	2023	0	VC!E13012
VCFTA	2024	2024	0	VC!F13012

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2025	2025	0	VC!G13012
VCFTA	2026	2026	0	VC!H13012
VCFTA	2027	2027	0	VC!I13012
VN-EAEU	2022	2022	*	EAV!D12995
VN-EAEU	2023	2023	*	EAV!E12995
VN-EAEU	2024	2024	*	EAV!F12995
VN-EAEU	2025	2025	*	EAV!G12995
VN-EAEU	2026	2026	*	EAV!H12995
VN-EAEU	2027	2027	*	EAV!I12995
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D12995
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E12995
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F12995
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G12995
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H12995
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I12995
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D13010
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E13010
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F13010
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G13010
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H13010
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I13010
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D13009
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E13009
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F13009
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G13009
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H13009

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I13009
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D12989
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E12989
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F12989
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G12989
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H12989
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I12989
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J12989
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D12997
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E12997
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F12997
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G12997
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H12997
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I12997
RCEP B	2022	2022	0	B!D12997
RCEP B	2023	2023	0	B!E12997
RCEP B	2024	2024	0	B!F12997
RCEP B	2025	2025	0	B!G12997
RCEP B	2026	2026	0	B!H12997
RCEP B	2027	2027	0	B!I12997
RCEP C	2022	2022	0	C!D12997
RCEP C	2023	2023	0	C!E12997
RCEP C	2024	2024	0	C!F12997
RCEP C	2025	2025	0	C!G12997
RCEP C	2026	2026	0	C!H12997
RCEP C	2027	2027	0	C!I12997

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2022	2022	0	D!D12996
RCEP D	2023	2023	0	D!E12996
RCEP D	2024	2024	0	D!F12996
RCEP D	2025	2025	0	D!G12996
RCEP D	2026	2026	0	D!H12996
RCEP D	2027	2027	0	D!I12996
RCEP E	2022	2022	0	E!D13000
RCEP E	2023	2023	0	E!E13000
RCEP E	2024	2024	0	E!F13000
RCEP E	2025	2025	0	E!G13000
RCEP E	2026	2026	0	E!H13000
RCEP E	2027	2027	0	E!I13000
RCEP F	2022	2022	0	F!D12997
RCEP F	2023	2023	0	F!E12997
RCEP F	2024	2024	0	F!F12997
RCEP F	2025	2025	0	F!G12997
RCEP F	2026	2026	0	F!H12997
RCEP F	2027	2027	0	F!I12997
VIFTA	2024	2024	0	VI!F12053
VIFTA	2025	2025	0	VI!G12053
VIFTA	2026	2026	0	VI!H12053
VIFTA	2027	2027	0	VI!I12053

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
--------------	-----	------------	-------	-------------------------	----------------	-------------	------------------------

DOC-001	YELLOW	Kiểm tra chuyên ngành	Chính sách mặt hàng: Chứng nhận chất lượng ATKT và BVMT sau TQ, trước khi đưa ra thị trường (12/2022/TT-BGTVT và 62/2024/TT-BGTVT)		12/2022/TT-BGTVT, 62/2024/TT-BGTVT	Chuẩn bị hồ sơ đăng ký kiểm tra/chứng nhận theo văn bản nêu trên trước khi thông quan.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 8430.41.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 8430.41.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N13675), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
Chứng nhận chất lượng ATKT và BVMT sau TQ, trước khi đưa ra thị trường (12/2022/TT-BGTVT và 62/2024/TT-BGTVT)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.